

Bản án số: 574/2023/HS-ST

Ngày 08 - 12 - 2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Đức Nam.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Thành Thông.
2. Bà Nguyễn Thị Viễn Thoa.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thăng - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Trí Đức - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 12 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 891/2023/HSST ngày 01 tháng 11 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 5232/2023/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 11 năm 2023, đối với bị cáo:

Lê Văn C, sinh năm 1964 tại Thái Bình; nơi thường trú: 194 đường số 1, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh; chỗ ở: C226 ấp Phước Lý, xã Đ, huyện N, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn C1 và bà Lê Thị S; có vợ và 04 con; tiền án: không; tiền sự: không; nhân thân:

+ tại Bản án số 458/HSST ngày 22/7/1992 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 05 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản công dân” đến ngày 17/7/1995 chấp hành xong án phạt tù;

+ tại Bản án số 756/HSST ngày 22/5/1996 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 04 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản công dân” đến ngày 26/10/1998 chấp hành xong bản án;

bị tạm giam từ ngày 19/5/2023, có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Bà Nguyễn Thị N1, sinh năm 1965; chỗ ở: 15/12 đường số 46, khu phố 6, phường H, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh, vắng mặt.

2. Bà Đỗ Thị N2, sinh năm 1962; chỗ ở: 134A Quốc lộ 13, khu phố 2, phường H, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh, vắng mặt.

3. Bà Trần Thị Thu H1, sinh năm 1957; chỗ ở: 14/10 đường số 9, khu phố 1, phường H, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh, vắng mặt.

4. Bà Đinh Thị H2, sinh năm 1975; chỗ ở: 21A1 đường số 6, khu phố 2, phường H, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh, vắng mặt.

5. Bà Phạm Thị Thảo N3, sinh năm 1986; chỗ ở: 13 đường số 6, khu phố 2, phường H, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh, vắng mặt.

6. Ông Nguyễn Diên T, sinh năm 1984; chỗ ở: 15C đường số 6, khu phố 6, phường H, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 08 giờ 45 phút ngày 19/5/2023, Công an phường Hiệp Bình Chánh, thành phố Thủ Đức nhận được tin báo của các tiểu thương tại chợ tự phát đường số 6, khu phố 2, phường Hiệp Bình Chánh, thành phố Thủ Đức có người đàn ông sử dụng tiền giả để mua hàng hóa tại chợ, nên đã tổ chức lực lượng tuần tra và phát hiện người có đặc điểm giống như các tiểu thương mô tả là Lê Văn C đang đứng trước nhà số 21 đường số 6, khu phố 2, phường Hiệp Bình Chánh, thành phố Thủ Đức. Tiến hành kiểm tra trong người C có 28 tờ tiền mệnh giá 50.000 đồng, C khai là tiền giả, nên đã lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với C cùng vật chứng (BL 08, 09).

Quá trình điều tra, Lê Văn C khai lúc 09 giờ, ngày 15/4/2023, C đi lấy thuốc tại Bệnh viện Lê Văn Thịnh (địa chỉ số 130 đường Lê Văn Thịnh, phường Bình Trưng Tây, thành phố Thủ Đức) thì gặp Minh (không rõ lai lịch, là bạn), tại quán cà phê kế bên bệnh viện. Minh nói “có tiền giả, muốn xài thì đưa cho xài”, C đồng ý. Đến 10 giờ ngày 15/5/2023, tại quán cà phê (không nhớ tên, địa chỉ), C gặp Minh và đưa 2.000.000 đồng cho Minh để mua 10.000.000 đồng tiền giả. Minh nói C đứng chờ trước địa chỉ số 145 đường Lê Văn Thịnh, phường Bình Trưng Đông, thành phố Thủ Đức, sẽ có người mang tiền giả đến. C đến nơi hẹn, chờ khoảng 30 phút, thì có người đàn ông mặc áo xe ôm công nghệ Grab điều khiển xe mô tô màu đỏ (không rõ biển số), dựng xe bên đường rồi đi bộ đến giao cho C một cọc tiền bọc bên ngoài tờ giấy báo cột dây thun. C kiểm tra thì thấy có 01 xấp tiền giả khoảng 100 tờ, mệnh giá 50.000 đồng (có giá trị tương đương 5.000.000 đồng). Sau khi nhận tiền giả, vào 08 giờ các ngày 16, 17 và ngày 18/5/2023, C điều khiển xe mô tô hiệu Honda PCX biển số 59X1- 95768 đến chợ Thanh Đa, chợ Bà Chiểu (quận Bình Thạnh) và chợ Phước Bình (thành phố Thủ Đức) để mua hàng của các tiểu thương. Mỗi sạp hàng, C dùng 01 tờ tiền giả mệnh giá 50.000 đồng để mua hàng hóa và nhận lại tiền thừa. Đến 08 giờ ngày 19/5/2023, C mang 36 tờ tiền giả mệnh giá 50.000 đồng (có giá trị tương đương 1.800.000 đồng) đi từ nhà ở C226 ấp Phước Lý, xã Đại Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai đến khu vực chợ tự phát, đường số 6, khu phố 2, phường Hiệp Bình Chánh, thành phố Thủ Đức mua hàng hóa, để được trả lại tiền thừa là tiền thật. Tại đây, C đã sử dụng 08 tờ tiền giả mệnh giá 50.000 đồng (tương đương 400.000 đồng) để mua cá, dưa leo, thịt băm, bắp cải, bánh canh, dưa muối, bánh cam, đậu phộng và bắp ngô của các anh, chị Nguyễn Thị N1, Đỗ Thị N2, Trần Thị Thu H1, Võ Thị Thanh B, Đinh Thị H2, Nguyễn Diên T và Nguyễn Quốc N, C đã được trả lại tiền thừa là 298.000 đồng. C tiếp tục sử dụng tiền giả để mua bắp ngô của chị Phạm Thị Thảo N3, thì chị N3 phát

hiện C sử dụng tiền giả, nên đã trình báo Công an phường Hiệp Bình Chánh, thành phố Thủ Đức kiểm tra bắt giữ C như đã nêu ở trên (BL 173 đến 185f).

Sau khi Lê Văn C bị bắt giữ, các anh, chị Nguyễn Thị N1, Đỗ Thị N2, Trần Thị Thu H1, Đinh Thị H2, Phạm Thị Thảo N3 và Nguyễn Diên T đã giao nộp 06 tờ tiền giả mệnh giá 50.000 đồng mà C đã sử dụng để mua hàng; anh Nguyễn Quốc N và chị Võ Thị Thanh B do không biết tiền của C là giả, nên đã sử dụng trả lại tiền thừa cho khách mua hàng, nên không thu giữ được. Quá trình điều tra các anh, chị N1, N2, H1, H2, N3, T, N và chị B không yêu cầu C bồi thường thiệt hại (BL 203 - 272).

Kết luận giám định số 6191/KL-KTHS ngày 28/7/2023 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh, xác định “34 tờ tiền loại mệnh giá 50.000 đồng (thu giữ của Lê Văn C) là giả, được làm trên chất liệu giấy, cắt giấy để lộ khoảng hở tạo ô cửa sổ trong suốt và được ép bằng hai lớp nylon, các nội dung trên tờ tiền giả được in giả bằng phương pháp in phun màu” (BL 46, 47).

Vật chứng thu giữ và số tiền nộp để khắc phục hậu quả là 1.000.000 đồng: theo biên bản giao nhận tang tài vật số NK2024/039 ngày 02/11/2023 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh và theo 02 giấy nộp tiền ngày 04/10/2023 tại ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh - phòng giao dịch Nguyễn Thái Học.

Tại bản Cáo trạng số 574/CT-VKSTPHCM-P1 ngày 31/10/2023, Viện kiểm sát Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố bị can Lê Văn C (có lý lịch và hành vi phạm tội nêu trên) về tội “Tàng trữ, lưu hành tiền giả” quy định tại khoản 1 Điều 207 Bộ luật Hình sự.

Phản tranh tụng tại phiên tòa:

- Bị cáo xác nhận Cáo trạng truy tố là đúng với hành vi phạm tội, không oan sai.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ khoản 1 khoản 5 Điều 207, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Lê Văn C từ 04 năm đến 05 năm tù về tội “Tàng trữ, lưu hành tiền giả”. Phạt bổ sung 10.000.000 đồng.

Xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật.

- Bị cáo không tranh luận.
- Lời nói sau cùng của bị cáo đã nhận thức được sai trái của hành vi do mình gây ra xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt tù.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định về vụ án như sau:

[1] Xét lời khai nhận của bị cáo Lê Văn C tại phiên tòa, cơ bản phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản khám xét, biên bản thu giữ tài liệu, kết luận

giám định, bản tự khai, lời khai của bị cáo, lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết luận:

Khoảng 08 giờ 45 phút ngày 19/5/2023, tại trước nhà số 21, đường số 6, khu phố 2, phường Hiệp Bình Chánh, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. Qua nguồn tin báo của các tiểu thương chợ tự phát đường số 6 nêu trên về việc có người đàn ông sử dụng tiền giả mua hàng tại chợ. Công an phường Hiệp Bình Chánh, thành phố Thủ Đức phát hiện người có đặc điểm giống như các tiểu thương mô tả là Lê Văn C. Tiến hành kiểm tra trong người bị cáo Lê Văn C có 28 tờ tiền mệnh giá 50.000 đồng, bị cáo C khai là tiền giả. Công an đã tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với bị cáo C cùng vật chứng.

Tại Cơ quan điều tra, bị cáo C khai đưa số tiền 2.000.000 đồng cho Minh (không rõ lai lịch, là bạn) để mua 10.000.000 đồng tiền giả. Sau đó, có người đàn ông mặc áo xe ôm công nghệ Grab điều khiển xe mô tô màu đỏ (không rõ biển số) giao cho bị cáo C một cọc tiền bọc bên ngoài tờ giấy báo cột dây thun. Bị cáo C kiểm tra thì thấy có 01 xấp tiền giả khoảng 100 tờ, mệnh giá 50.000 đồng (có giá trị tương đương 5.000.000 đồng). Sau khi nhận tiền giả, vào khoảng 08 giờ các ngày 16, 17 và 18/5/2023, bị cáo C điều khiển xe mô tô hiệu Honda PCX biển số 59X1- 95768 đến chợ Thanh Đa, chợ Bà Chiểu (quận Bình Thạnh) và chợ Phước Bình (thành phố Thủ Đức) để mua hàng của các tiểu thương. Mỗi sạp hàng, bị cáo C dùng 01 tờ tiền giả mệnh giá 50.000 đồng để mua hàng hóa và nhận lại tiền thừa. Đến 08 giờ ngày 19/5/2023, bị cáo C mang 36 tờ tiền giả mệnh giá 50.000 đồng (có giá trị tương đương 1.800.000 đồng) đi từ nhà ở địa chỉ C226 ấp Phước Lý, xã Đại Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai đến khu vực chợ tự phát, đường số 6, khu phố 2, phường Hiệp Bình Chánh, thành phố Thủ Đức mua hàng hóa, để được trả lại tiền thừa là tiền thật. Tại đây, bị cáo C đã sử dụng 08 tờ tiền giả mệnh giá 50.000 đồng (tương đương 400.000 đồng) để mua cá, dưa leo, thịt băm, bắp cải, bánh canh, dưa muối, bánh cam, đậu phộng và bắp ngô của các anh, chị Nguyễn Thị N1, Đỗ Thị N2, Trần Thị Thu H1, Võ Thị Thanh B, Đinh Thị H2, Nguyễn Diên T và Nguyễn Quốc N, C đã được trả lại tiền thừa là 298.000 đồng. C tiếp tục sử dụng tiền giả để mua bắp ngô của chị Phạm Thị Thảo N, thì chị N phát hiện C sử dụng tiền giả, nên đã trình báo Công an phường Hiệp Bình Chánh, thành phố Thủ Đức kiểm tra bắt giữ C như đã nêu ở trên.

Các tiểu thương Nguyễn Thị N1, Đỗ Thị N2, Trần Thị Thu H1, Đinh Thị H2, Nguyễn Diên T và Phạm Thị Thảo N3 đã nộp lại 06 tờ tiền giả mệnh giá 50.000 đồng, còn Nguyễn Quốc N và Võ Thị Thanh B không biết tiền giả đã trả lại tiền thừa cho khách hàng.

Đối với hành vi lưu hành tiền giả vào các ngày 16, 17 và 18/5/2023, tại chợ Thanh Đa, chợ Bà Chiểu (quận Bình Thạnh) và chợ Phước Bình (thành phố Thủ Đức), do chỉ có lời khai của Lê Văn C, nên không có cơ sở để xử lý.

Đối với người tên Minh bán tiền giả cho C, do không xác định được lai lịch nên không có cơ sở để xử lý.

Như vậy, bị cáo Lê Văn C phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi tàng trữ 28 tờ tiền giả, mệnh giá 50.000 đồng (có giá trị tương đương 1.400.000 đồng) và hành vi lưu hành 08 tờ tiền giả, mệnh giá 50.000 đồng (có giá trị tương đương 400.000 đồng).

Xét hành vi của bị cáo Lê Văn C là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến các quy định trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, xâm phạm đến sự quản lý độc quyền của

ngân hàng nhà nước về phát hành tiền đồng, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh tiền tệ. Bị cáo nhận thức được hành vi của mình, nhưng do vụ lợi nên đã thực hiện hành vi phạm tội, phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp.

Vì vậy, Hội đồng xét xử đã có đủ căn cứ để kết luận bị cáo Lê Văn C đã phạm tội “Tàng trữ, lưu hành tiền giả” tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 207 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xét số lượng tiền giả có giá trị tương ứng nêu trên là dấu hiệu định tội được quy định tại khoản 1 Điều 207 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 (thì bị phạt tù từ 03 năm đến 07 năm).

Xét bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã nộp lại số tiền thu lợi bất chính đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xét bị cáo phạm tội “Tàng trữ, lưu hành tiền giả” là tội ghép, do đó, có mức hình phạt tương xứng với từng hành vi.

Xét tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự về hình phạt đặt ra cho họ phải nghiêm, là tù có thời hạn mới đủ sức giáo dục họ ý thức tuân thủ pháp luật và các quy tắc của cuộc sống, ngăn ngừa họ phạm tội mới; giáo dục người khác tôn trọng pháp luật, phòng ngừa và đấu tranh chống tội phạm.

Ngoài ra, Hội đồng xét xử phạt bổ sung bị cáo một số tiền nhất định để sung vào ngân sách nhà nước theo quy định tại khoản 5 Điều 207 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[2] Xét Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố đối với bị cáo Lê Văn C về khung, điều luật và tội danh như đã viện dẫn trên là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Với lập luận tại đoạn [1] là căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận hay không chấp nhận phần luận tội của Kiểm sát viên, và trình bày của bị cáo.

[3] Xét về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của họ. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của họ đã thực hiện đều hợp pháp.

[4] Xét về biện pháp tư pháp, xử lý vật chứng, án phí:

[4.1] Về biện pháp tư pháp:

Số tiền bị cáo thu lợi bất chính khi phạm tội là 298.000 đồng nên buộc nộp ngân sách nhà nước. Quá trình điều tra, vợ của bị cáo tự nguyện nộp số tiền 1.000.000 đồng để khắc phục số tiền thu lợi bất chính cho bị cáo nên được khấu trừ số tiền này vào tiền bị cáo phải nộp lại (Theo giấy nộp tiền ngày 04/10/2023 tại ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh - phòng giao dịch Nguyễn Thái Học), theo quy định tại Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[4.2] Về xử lý vật chứng:

- 01 (một) xe hai bánh gắn máy; nhãn hiệu: HONDA; số loại PCX 150; dung tích xi lanh: 149; biển số 59X1 - 95768, số khung RLHKF302XJY000214, số máy KF30E1000250 (không gương, dàn nhựa bể, xe cũ rỉ sét, máy móc bên trong không kiểm tra) là tài sản của bị cáo không liên quan đến vụ án nên trả lại cho họ;

- 01 (một) điện thoại di động hiệu Samsung loại Galaxy A52, số seri R58RC1CAC8W, số sim 0909458181 (đã qua sử dụng) (thực nhận 01 điện thoại di động hiệu Samsung màu đen, Imei: ... 290735, không kiểm tra seri, số sim, đời máy do không có nguồn điện, không kiểm tra tình trạng máy móc bên trong) là tài sản của bị cáo dùng vào việc phạm tội nên tịch thu nộp ngân sách nhà nước;

- 34 (ba mươi bốn) tờ tiền giả, mệnh giá 50.000 đồng (đã giám định) gồm các số seri sau: 06 (sáu) tờ có số seri GR 16144926; 06 (sáu) tờ có số seri LS 16946126; 07 (bảy) tờ có số seri NS 14412033; 03 (ba) tờ có số seri HN 16956165; 06 (sáu) tờ có số seri LU 14567049; 01 (một) tờ có số seri GR 16144926; 01 (một) tờ có số seri GR 16144926; 01 (một) tờ có số seri LU 14567049; 01 (một) tờ có số seri LS 16946126; 01 (một) tờ có số seri LU 14567049; 01 (một) tờ có số seri LU 14567049 đã được giám định là tiền giả nên tịch thu và tiêu hủy;

- Số tiền 1.130.000 đồng là tài sản của bị cáo không liên quan đến vụ án nên trả lại cho họ (Theo giấy nộp tiền ngày 04/10/2023 tại ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh - phòng giao dịch Nguyễn Thái Học (BL 55)).

Nhưng tiếp tục tạm giữ xe và tiền này để bảo đảm thi hành án cho khoản tiền phạt bổ sung theo quy định tại Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

[4.3] Về án phí: bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 khoản 5 Điều 207, điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51 và Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Căn cứ Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử phạt bị cáo Lê Văn C 04 (bốn) năm tù về tội “Tàng trữ, lưu hành tiền giả”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 19/5/2023.

Phạt bổ sung bị cáo 10.000.000 đồng để sung vào ngân sách nhà nước.

Buộc bị cáo nộp lại số tiền thu lợi bất chính là 298.000 đồng, được khấu trừ số tiền đã nộp 1.000.000 đồng, để sung vào ngân sách nhà nước.

Số tiền nộp dư 702.000 đồng được trừ vào tiền án phí, tiền phạt bổ sung.

Tịch thu, nộp ngân sách nhà nước: 01 (một) điện thoại di động hiệu Samsung loại Galaxy A52, số seri R58RC1CAC8W, số sim 0909458181 (đã qua sử dụng) (thực nhận 01

điện thoại di động hiệu Samsung màu đen, Imei: ... 290735, không kiểm tra seri, số sim, đời máy do không có nguồn điện, không kiểm tra tình trạng máy móc bên trong);

Tịch thu và tiêu hủy: 34 (ba mươi bốn) tờ tiền giả, mệnh giá 50.000 đồng (đã giám định) gồm các số seri sau: 06 (sáu) tờ có số seri GR 16144926; 06 (sáu) tờ có số seri LS 16946126; 07 (bảy) tờ có số seri NS 14412033; 03 (ba) tờ có số seri HN 16956165; 06 (sáu) tờ có số seri LU 14567049; 01 (một) tờ có số seri GR 16144926; 01 (một) tờ có số seri GR 16144926; 01 (một) tờ có số seri LU 14567049; 01 (một) tờ có số seri LS 16946126; 01 (một) tờ có số seri LU 14567049; 01 (một) tờ có số seri LU 14567049;

Trả lại cho bị cáo:

- 01 (một) xe hai bánh gắn máy; nhãn hiệu: HONDA; số loại PCX 150; dung tích xi lanh: 149; biển số 59X1 - 957.68, số khung RLHKF302XJY000214, số máy KF30E1000250 (không gương, dàn nhựa bể, xe cũ rỉ sét, máy móc bên trong không kiểm tra);

- Số tiền 1.130.000 đồng, nhưng tiếp tục tạm giữ xe và tiền này để bảo đảm thi hành án cho khoản tiền phạt bổ sung,

(Theo 02 giấy nộp tiền ngày 04/10/2023 tại ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh - phòng giao dịch Nguyễn Thái Học;

theo biên bản giao nhận tang tài vật số NK2024/039 ngày 02/11/2023 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh).

Án phí hình sự sơ thẩm: bị cáo phải chịu 200.000 đồng.

Bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND TC; (1)
- TAND Cấp cao tại TP.HCM; (1)
- VKSND-TP.HCM; (3)
- Cục THA-DS; (1)
- THA HS; (2)
- Phòng PC53 - CA TP. HCM; (1)
- Sở Tư pháp; (1)
- Trại giam; (1)
- Bị cáo; (1)
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án (6)
- UBND nơi bị cáo cư trú; (1)
- Lưu, hình sự, hồ sơ; (19) (4)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Đức Nam